

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2025/DS-ST**

Ngày: 20/02/2025

V/v tranh chấp: “Hợp đồng cầm
cố và Hợp đồng thuê tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thủy Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Ánh;

2. Ông Trương Hoàng Hoa;

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 400/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng cầm cố tài sản và Hợp đồng thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty cổ phần STCN;

Trụ sở: 128 ND, phường BT, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: 1/ Ông Somyot Ngerndamrong - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

2/ Ông Kanokwatpaisal Napat - Giám đốc;

3/ Ông Teeravikavee Kachaphas - Giám đốc;

Ông Kanokwatpaisal Napat ủy quyền cho: Chị Thạch Thị Lệ T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp BT, xã ĐS, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Trọng D, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Ấp TK, xã ATT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt, anh D vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn Công ty cổ phần STCN, có đại diện ủy quyền là chị Thạch Thị Lệ T trình bày:**

Ngày 06/7/2024 anh Nguyễn Trọng D có ký với Công ty cổ phần STCN hợp đồng cầm cố tài sản số ATM240702006NA21X đối với tài sản sau: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vario150, biển kiểm soát 63B4-843.46 theo Giấy chứng nhận đăng ký số 003823 do Công an huyện Chợ Gạo cấp ngày 27/4/2021. Số tiền cầm cố là 23.031.914 đồng, thời hạn cầm cố là 18 tháng từ ngày 06/7/2024 đến ngày 06/01/2026, mục đích cầm cố là phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh. Lãi suất cầm cố 1,1%/tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tính từ thời điểm chuyển sang nợ quá hạn. Phí quản lý hồ sơ cố định 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế. Phí tắt toán hợp đồng trước hạn là 7% nợ gốc chưa thanh toán. Phí phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm. Khách hàng thanh toán định kỳ 1.482.777 đồng/tháng (bao gồm tiền gốc, lãi và phí) vào ngày 06 hàng tháng. Công ty đã đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của Cục đăng ký quốc gia, số đăng ký giao dịch 1550708577.

Cùng ngày 06/7/2024, do có nhu cầu đi lại nên anh D có ký Thỏa thuận thuê tài sản để thuê lại tài sản cầm cố nêu trên, thời hạn thuê xe từ ngày 06/7/2024 đến ngày 06/01/2026, giá thuê là 1.243.723 đồng/tháng, thanh toán vào ngày 06 hàng tháng, nếu vi phạm nghĩa vụ sẽ phải chịu một khoản phạt bằng 8% giá trị nghĩa vụ vi phạm.

Công ty đã giải ngân cho anh D số tiền 23.031.914 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh D đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết trong hợp đồng. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở nhưng anh D không có thiện chí trả nợ. Tạm tính đến ngày 28/9/2024, anh D còn nợ công ty các khoản sau:

- Tiền gốc: 23.031.914 đồng;
- Tiền lãi trong hạn: 2.514.934 đồng;
- Phí quản lý hồ sơ cố định: 1.143.152 đồng;
- Tiền lãi quá hạn: 46.179 đồng;
- Phí mượn xe: 2.487.447 đồng;
- Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 148.278 đồng

Tổng cộng là 29.371.904 đồng.

Công ty khởi kiện như sau:

- Yêu cầu anh D phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2024 là 29.371.904 đồng, trong đó gồm: Tiền gốc: 23.031.914 đồng; Tiền lãi trong hạn: 2.514.934 đồng; Phí quản lý hồ sơ cố định: 1.143.152 đồng; Tiền lãi quá hạn: 46.179 đồng; Phí mượn xe: 2.487.447 đồng; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 148.278 đồng.

- Anh D còn phải tiếp tục trả lãi và phí phát sinh từ ngày 29/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố và Thỏa thuận thuê tài sản.

* Bị đơn anh Nguyễn Trọng D mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Tại phiên tòa:* Đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của công ty, yêu cầu anh D trả số tiền dư nợ tạm tính đến ngày 20/02/2025 là 37.334.051 đồng, trong đó gồm: Tiền gốc: 23.031.914 đồng; Tiền lãi trong hạn: 2.514.934 đồng; Phí quản lý hồ sơ cố định: 1.143.152 đồng; Tiền lãi quá hạn: 469.048 đồng; Phí mượn xe: 8.706.064 đồng; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 1.468.939 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu anh D tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/02/2025 đến khi trả hết số tiền nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố tài sản số ATM240702006NA21X ngày 06/7/2023.

Công ty đồng ý trả lại Giấy chứng nhận đăng ký số 003823 do Công an huyện Chợ Gạo cấp ngày 27/4/2021 cho anh D khi anh D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Đối với tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vario150, biển kiểm soát 63B4-843.46 hiện vẫn do anh D quản lý sử dụng, công ty không có tranh chấp hay yêu cầu đối với tài sản cầm cố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Công ty Cổ phần STCN khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Trọng D thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng cầm cố tài sản và Thỏa thuận thuê tài sản hai bên đã ký kết nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng cầm cố tài sản và Hợp đồng thuê tài sản” được xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 309 và Điều 472 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn anh Nguyễn Trọng D cư trú tại ấp TK, xã ATT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Trọng D đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh D.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần STCN, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng cầm cố số ATM240702006NA21X ngày 06/7/2024, Phụ lục hợp đồng cầm cố ngày 06/7/2024, Phiếu đăng ký cầm cố ngày

06/7/2024 và Thỏa thuận thuê tài sản ngày 06/7/2024 được ký kết giữa Công ty Cổ phần STCN và anh Nguyễn Trọng D, có căn cứ để xác định: Anh D đã cầm cố tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vario150, biển kiểm soát 63B4-843.46 theo Giấy chứng nhận đăng ký số 003823 do Công an huyện Chợ Gạo cấp ngày 27/4/2021 cho công ty Cổ phần Sawad Tiền Có Ngày, số tiền cầm cố là 23.031.914 đồng, thời hạn cầm cố là 18 tháng từ ngày 06/7/2024 đến ngày 06/01/2026, mục đích cầm cố là phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, lãi suất cầm cố 1,1%/tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tính từ thời điểm chuyển sang nợ quá hạn, phí quản lý hồ sơ cố định 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế, phí tất toán hợp đồng trước hạn là 7% nợ gốc chưa thanh toán, phí phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm, anh D thanh toán định kỳ 1.482.777 đồng/tháng (bao gồm tiền gốc, lãi và phí) vào ngày 06 hàng tháng. Công ty đã đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của Cục đăng ký quốc gia, số đăng ký giao dịch 1550708577. Cùng ngày 06/7/2024, do có nhu cầu đi lại nên anh D đã thuê lại tài sản cầm cố, thời hạn thuê xe từ ngày 06/7/2024 đến ngày 06/01/2026, giá thuê là 1.243.723 đồng/tháng, thanh toán vào ngày 06 hàng tháng, nếu vi phạm nghĩa vụ sẽ phải chịu một khoản phạt bằng 8% giá trị nghĩa vụ vi phạm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty đã giao cho anh D số tiền cầm cố tài sản là 23.031.914 đồng theo Phiếu chi ngày 06/7/2024. Anh D đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay kỳ đầu tiên. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở nhưng đến nay anh D vẫn chưa trả được khoản tiền nào. Tính đến ngày 20/02/2025 anh D còn nợ số tiền 37.334.051 đồng, trong đó gồm: Tiền gốc: 23.031.914 đồng; Tiền lãi trong hạn: 2.514.934 đồng; Phí quản lý hồ sơ cố định: 1.143.152 đồng; Tiền lãi quá hạn: 469.048 đồng; Phí mượn xe: 8.706.064 đồng; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 1.468.939 đồng.

Xét Hợp đồng cầm cố số ATM240702006NA21X ngày 06/7/2024, Phụ lục hợp đồng cầm cố ngày 06/7/2024 và Thỏa thuận thuê tài sản ngày 06/7/2024 được ký kết giữa Công ty Cổ phần STCN và anh Nguyễn Trọng D đảm bảo về hình thức, nội dung, điều kiện có hiệu lực của hợp đồng được quy định tại các điều 117, 310, 398, 401 và 472 Bộ luật dân sự nên phát sinh hiệu lực pháp luật, do vậy các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đã thỏa thuận trong hợp đồng. Phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho công ty là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Số tiền nguyên đơn yêu cầu phù hợp với các thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố và Thỏa thuận thuê tài sản nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, anh D có nghĩa vụ trả cho công ty Cổ phần STCN số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và các loại phí tạm tính đến ngày 20/02/2025 là 37.334.051 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Anh D còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/02/2025 đến khi trả hết số nợ vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố số ATM240702006NA21X ngày 06/7/2024 đã ký.

[4] Đối với tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vario150, biển kiểm soát 63B4-843.46 theo Giấy chứng nhận đăng ký số 003823 do Công an huyện Chợ Gạo cấp ngày 27/4/2021, tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị T trình bày anh D vẫn đang quản lý, sử dụng xe, công ty không xác định được vị trí và tình trạng xe, không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Giấy chứng nhận đăng ký số 003823 do Công an huyện Chợ Gạo cấp ngày 27/4/2021, công ty đồng ý trả lại khi anh D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 39, 92, 147, 220, 227, 228, 235, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 309, 310, 311, 314, 315, 357, 468, 472, 475, 481 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần STCN.

Buộc anh Nguyễn Trọng D có nghĩa vụ trả cho Công ty Cp STCN số tiền nợ gốc là 37.334.051 đồng, trong đó gồm: Tiền gốc: 23.031.914 đồng; Tiền lãi trong hạn: 2.514.934 đồng; Phí quản lý hồ sơ cố định: 1.143.152 đồng; Tiền lãi quá hạn: 469.048 đồng; Phí mượn xe: 8.706.064 đồng; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 1.468.939 đồng.

Kể từ ngày 21/02/2025 anh D còn phải tiếp tục trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố số ATM240702006NA21X ngày 06/7/2024, Phụ lục hợp đồng cầm cố ngày 06/7/2024 cho đến khi trả hết nợ.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần STCN trả lại cho anh D bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003823 do Công an huyện Chợ Gạo cấp cho anh Nguyễn Trọng D ngày 27/4/2021.

3. Về án phí: Anh D phải chịu 1.866.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần STCN số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 735.000 đồng theo biên lai số 0007924 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thủy Uyên